TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN LONG THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 181/2024/DS-ST.

Ngày: 27 - 9 - 2024.

V/v "Tranh chấp về thay đổi người giám hộ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Nguyễn Ngọc Duy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp về thay đổi người giám hộ" theo quyết định hoãn phiên tòa số 1008/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: 1/ Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1957.

2/ Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1958.

Địa chỉ thường trú: ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: đường N khu Tái định cư L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Anh Đặng Hữu Đ, sinh năm 1995.

2/ Hoặc anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ liên hệ: C30, C đường N, tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1989.

Thường trú: ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: đường M khu tái định cư L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 2002.

Thường trú: Khu D, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ liên hệ: Đường D, khu T định cư xã L, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Kim T1, sinh năm 1985 – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: B L, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*:

1/ Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Trần Văn T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Trần Văn T, bà Trần Thị K, anh Nguyễn Trung H, chị Nguyễn Thị H1, chị Trần Thị Ngọc Á, luật sư Vũ Thị Kim T1 có mặt; chị Trần Thị Ngọc L, ông Trần Văn T2 đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông Trần Văn T và bà Trần Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông T và bà K là cha mẹ ruột của anh Trần Văn B. Từ khi sinh ra đến khi lớn lên, anh B sống với vợ chồng ông bà. Đến năm 2007, anh B cùng chị Nguyễn Thị H1 xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 17/2007 ngày 09/01/2007.

Vào cuối năm 2014, anh B bị tai nạn giao thông, chấn thương sọ não, hôn mê hơn 1 tháng. Sau một thời gian, anh B bị liệt nửa người, không nói được, nằm một chỗ, không thể tự chăm sóc bản thân được. Vì vậy, anh B đã được UBND xã S cấp Giấy chứng nhận khuyết tật dạng thần kinh tâm thần ngày 14/8/2015 và được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Sau một thời gian chăm sóc, đến ngày 12/6/2022 chị H1 bất ngờ viết Giấy trả chồng giao anh B lại cho vợ chồng ông bà chăm sóc và trở về sống với cha mẹ đẻ. Từ đó đến nay, vợ chồng ông bà là người trực tiếp chăm lo, nuôi dưỡng anh B, chị H1 không còn quan tâm, không qua lại hỏi thăm hay có bất kỳ phụ giúp gì trong việc chăm sóc anh B. Chị H1 có đưa lại 1.200.000 đồng tiền hỗ trợ của nhà nước cho ông T và bà K để chăm sóc anh ình, số tiền này không thể đủ để đáp ứng nhu cầu cơ bản của anh B trong một tháng, ông T phải sử dụng kinh tế gia đình để chăm sóc anh B.

Vì để đảm bảo quyền lợi cho anh B, ngày 02/11/2022 ông T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh B mất năng lực hành vi dân sự và xác định người giám hộ. Đến ngày 19/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Long Thành ra Quyết định số 10/2023/QĐST-VDS tuyên bố anh B bị mất năng lực hành vi dân sự. Sau khi Quyết định này có hiệu lực, chị H1 trở thành người giám hộ đương nhiên của anh B theo quy định pháp luật.

Vậy nhưng trên thực tế chị H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ của người giám hộ là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giám hộ theo điểm c khoản 1 Điều 60 của Bộ luật dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của người được giám hộ anh Trần Văn B, cụ thể là kể từ ngày viết Giấy trả chồng, chị H1 hoàn toàn bỏ mặc anh B cho vợ chồng ông bà chăm sóc, không qua lại hỏi han hay có bất kỳ phụ giúp gì.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án chỉ định ông Trần Văn T và bà Trần Thị K thay thế cho chị Nguyễn Thị H1 làm người giám hộ cho anh Trần Văn B.

Đối chiếu lời khai của nguyên đơn, người làm chứng, của cháu P thì nguyên nhân chị H1 viết giấy trả chồng là do chị H1 muốn ra ngoài khu tái định cư ở với bố mẹ ruột để thuận tiện đi làm, để anh B cho ông T3 và bà K chăm sóc. Ông T bức xúc mới cho chị H1 03 lựa chọn, chị H1 đã lựa chọn bỏ chồng cho ông T và bà K nuôi, chị đồng ý và ký vào giấy trả chồng ngày 12/6/2022 và đi về nhà bố mẹ ruột ở.

Chị H1 cho rằng chị trả chồng là do ông T, bà K ép buộc chị phải thực hiện là không đúng với sự thật diễn ra sự việc và không đúng với những lời khai của những người làm chứng hôm đó.

Ủy ban nhân dân xã B xác nhận theo Văn bản số 810 ngày 15/6/2023 về việc chị H1 là đối tượng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng anh B là hoàn toàn không đúng sự thật. Vì sau khi trả chồng thì chị H1 chưa từng tới thăm anh B.

Ngày 10/8/2023 chị H1 đã ký nhận quyết định giao đất tái định cư.

Ông T và bà K đủ các điều kiện để làm người giám hộ cho anh B theo quy định tại Điều 49, khoản 3 Điều 53, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của bộ luật dân sự.

Ông T và bà K khai bổ sung: Mâu thuẫn giữa ông bà và chị H1 không phải phát sinh từ tranh chấp tái định cư hộ phụ mà phát sinh từ việc chị H1 không chăm sóc anh B. Sau đó ông bà và chị H1 mới phát sinh vấn đề tranh chấp tài sản là tiền bồi thường đất và nhà, ông bà đã đưa cho chị H1 1.800.000.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền bồi thường căn nhà của vợ chồng anh B chị H1, 1.600.000.000 đồng là tiền bồi thường phần đất mà trước đây ông bà chia cho anh B) và lô tái định cư hộ phụ tại Khu tái định cư L. Nay ông bà không tranh chấp tài sản nhà đất và 1.800.000.000 đồng nói trên với chị H1.

Trước khi anh B bị tai nạn thì giữa anh B và chị H1 không có mâu thuẫn gì, còn sau khi anh B bị tai nạn thì anh B bị mất nhận thức nên hai người không có mâu thuẫn gì.

Giấy trả chồng do cháu gái Trần Thị Kim P là con gái của anh B và chị H1 viết vào ngày 12/6/2022 do ông bà yêu cầu chị H1 viết để xác nhận vì trả chồng là anh B. Ông bà không ép cháu P viết giấy trả chồng.

Khoảng hai tháng đầu ông T đi nhận tiền trợ cấp khuyết tật và tiền hỗ trợ cho người nuôi. Sau đó là chị H1 đi nhận hai khoản trên từ đó đến nay, nhưng 05 tháng đầu chị H1 không đưa cho ông bà để nuôi anh B, về sau thì chị H1 có nhờ cháu Trần Hoàng L1 là con anh B và chị H1 đưa qua cho ông bà để nuôi anh B.

Sau khi anh B bị tai nạn thì anh B và chị H1 sống chung với nhau được 08 năm, trong thời gian này thì ông bà cùng chị H1 thay nhau chăm sóc anh B.

Từ ngày 12/6/2022 mẹ con chị H1 viết giấy trả chồng rồi đi luôn, không về chăm sóc thăm nuôi anh B lần nào, còn ông bà không ngăn cấm chị H1 về thăm chồng. Đối với nội dung tại giấy trả chồng lập ngày 12/6/2022 thì từ chữ "ngày 12/6" cho đến từ "mỗi đứa" là do chị H1 đọc cho cháu P viết.

Nếu chị H1 đón anh B về chăm sóc thì ông bà đồng ý giao anh B cho chị H1 tại phiên tòa và ông bà sẽ cho chị H1 tiền để thuê nhà. Nếu chị H1 không đồng ý thì ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơnchị Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị H1 và anh B tự nguyện chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2007. Quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là cháu Trần Hoàng L1, sinh ngày 21/02/2010 và cháu Trần Thị Kim P, sinh ngày 03/12/2011.

Đến tháng 02/2014, anh B bất ngờ bị tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng chấn thương sọ não, gia đình đã chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh B hoàn toàn mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không đi lại được và tự chăm sóc cho bản thân mà phải có chị H1. Theo Giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 0613/Long Thành ST-087 do UBND xã S cấp ngày 10/7/2017 xác nhận anh B thuộc dạng khuyết tật thần kinh tâm thần, mức độ khuyết tật đặc biệt nặng.

Từ khi kết hôn, vợ chồng chị H1 chung sống tại căn nhà cấp 4 trên mảnh đất chung với gia đình chồng. Một mình chị H1 vừa đi làm công nhân vừa chăm nuôi chồng bị tai nạn và 02 con nhỏ. Cho đến năm 2022, khi Nhà nước thực hiện dự án Cảng hàng không Quốc tế L thì nhà đất bị thu hồi giải tỏa trắng. Gia đình anh B, chị H1 được Nhà nước xét cấp 1 lô đất tái định cư hộ phụ tại Khu tái định cư L - B. Lúc này, ông T yêu cầu chị H1 phải bỏ tiền ra xây dựng 01 căn nhà ở riêng bên cạnh nhà ông T tại lô đất tái định cư hộ chính (lô nhà vườn) mà Nhà nước cấp đứng tên ông T. Đồng thời, ông T còn yêu cầu chị H1 phải cho ông đứng tên chung trong lô đất tái định cư phụ của vợ chồng chị H1. Sau khi chị H1 tìm hiểu thì được biết Nhà nước không cho phép xây dựng 02 căn nhà riêng biệt trong cùng một lô đất nhà vườn được cấp nên chị H1 nói với ông T rằng muốn được xây nhà riêng cho vợ chồng con cái tại lô tái định cư hộ phụ mà Nhà nước cấp cho hai vợ chồng.

Tuy nhiên, ông T không đồng ý mà ra điều kiện ép buộc chị H1. Nếu chị H1 không đồng ý với yêu cầu của ông T thì mấy mẹ con muốn đùm túm nhau đi đâu sống kiểu gì thì sống, không được nhìn mặt chồng và ông bà nội. Sau một tuần suy nghĩ, chị H1 trả lời không chấp nhận yêu cầu của ông T vì xây nhà trên đất của ông T sau này chắc chắn sẽ phát sinh tranh chấp các kiểu. Ông T tức giận nên đã bắt con gái của chị H1 là cháu Trần Thị Kim P lấy giấy viết ra ghi chép theo nội dung do ông T đọc để nhằm gây áp lực không cho mẹ con chị H1 được tới lui, chăm sóc anh B. Theo đó, ông T xác định rằng giấy này là "Giấy trả chồng viết tay ngày 12/6/2022".

Thời gian sau đó, ông T và bà K liên tục chửi bới, nhục mạ, khiếu nại, khởi kiện tranh chấp gây khó khăn cho chị H1 trong việc nhận lô đất tái định cư hộ phụ của vợ chồng chị H1 và anh B. Cho đến nay, chị H1 vẫn chưa có điều kiện xây dựng nhà ở ổn định trên lô đất tái định cư hộ phụ mà 3 mẹ con vẫn ở nhờ bên nhà ngoại.

Mặc dù, ông T và bà K cấm cản không cho chị H1 thăm gặp, chăm sóc anh B nhưng hàng tháng chị H1 vẫn đi nhận tiền trợ cấp 1.200.000 đồng đưa cho 02 con mang qua nhà gửi ông bà nội để lo ăn uống cho anh B.

Hiện nay, chị H1 vẫn đang là vợ chồng hợp pháp với anh B, giữa chị H1 và anh B chưa có bất kỳ mâu thuẫn tình cảm hay tài sản chung gì. Theo Quyết định số 10/2023/QĐST-VDS ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành về việc giải quyết việc dân sự tuyên bố anh B mất năng lực hành vi dân sự thì chị H1

là người giám hộ đương nhiên của anh B theo quy định tại Điều 53 Bộ Luật dân sự. Chị H1 có đầy đủ các điều kiện của người giám hộ, không có bất kỳ hành vi nào gây thiệt hại quyền lợi hợp pháp của anh B, không vi phạm các quy định tại Điều 60 Bộ Luật dân sự về việc thay đổi người giám hộ.

Chị H1 không viết giấy trả chồng, mà do ông T ép con gái chị H1 viết. Chị H1 không bỏ mặc anh B, vì chị H1 vẫn đưa tiền trợ cấp 1.200.000 đồng cho ông T và bà K. Ông T và bà K muốn thay đổi người giám hộ là không căn cứ. Chị H1 sẽ cố gắng đón anh B về chăm sóc trong thời gian sớm nhất.

Vì những lý do nêu trên, chị H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện thay đổi người giám hộ của ông T và bà K.

- Bà Vũ Thị Kim T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Cháu P viết giấy trả chồng là do ông T ép viết. Hiện nay hoàn cảnh của chị H1 làm công nhân khó khăn, chưa có nhà ở nên chưa đủ điều kiện để đón anh B về chăm sóc, điều kiện của gia đình ông T tốt nên tạm thời chị H1 nhờ ông T và bà K chăm sóc anh B một thời gian. Chị H1 sẽ thu xếp xây nhà trong thời gian sớm nhất để đón anh B về. Chị H1 không vi phạm nghĩa vụ của người giám hộ đương nhiên nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng chị Trần Thị Ngọc L trình bày:

Chị là con gái của ông T và bà K. vào ngày 12/6/2022 bố chị là ông Trần Văn T gọi điện vào nhà để làm chứng cho việc chị H1 viết đơn để trả lại anh trai của chị là Trần Văn B. Trong lúc viết giấy trả chồng là cháu P là con gái của anh B viết giấy, còn chị đứng đằng sau để nghe và nhìn chứng kiến sự việc. Trong lúc đó không có sự ép buộc hay tranh chấp gì hết. Nội dung tờ đơn là do ông T đọc cho cháu P viết. Trong lúc đó thì có chị H1 ngồi bên cạnh cháu P1.

Trước lúc viết đơn thì bố mẹ chị cũng cho 3 lựa chọn đối với chị H1 là: Bố mẹ bốc sân vườn để bố mẹ cùng vợ chồng anh chị ở nhà riêng nhưng chung một mảnh đất để bố mẹ chị tiện đường chăm sóc hai cháu và anh trai chị; Chị H1 tự bốc đất rồi tự xây nhà trên phần đất riêng của mình; Chị H1 trả lại chồng là anh B cho bố mẹ.

Nhưng chị H1 đã lựa chọn cái thứ 3. Trước lúc đó giữa bố mẹ chị và chị H1 không có mâu thuẫn hay tranh chấp gì hết. Chị cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Trần Văn T2 trình bày:

Ông là em ruột của ông T. Nhằm ngày 12/6/2022 anh của ông là Trần Văn T có gọi điện cho ông ra chứng kiến sự việc con dâu trả chồng cho bố chồng. Nội dung tờ đơn bố chồng đọc và con gái của chị H1 viết cho tất cả 2 bên nghe và đồng ý ký tên, khi cháu P viết đơn không có ai ép cháu. Trước khi cháu H1 trả chồng hai bên có mâu thuẫn gì thì ông không biết. Còn hôm ông làm chứng thì ông thấy hai bên vui vẻ và cho cháu P viết và hai bên ký tên. Ông cam đoan khai đúng sự thật.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo quy định tại Điều 57 của Bộ luật dân sự một trong những nghĩa vụ quan trọng của người giám hộ đối với được giám hộ mất năng lực hành vi dân sự đó là chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ. Tuy nhiên từ tháng 6/2022 đến nay chị H1 không còn đảm bảo được việc chăm sóc cho anh B. Hiện nay chị và các con đang sống tại nhà ông bà ngoại, chị cũng thừa nhận hiện nay chị chưa đủ điều kiện về kinh tế và nhà ở ổn định để đón anh B về chăm sóc. Anh B đang được ông T, bà K là cha mẹ ruột của anh B trực tiếp chăm sóc anh rất tốt.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 49, 60 của Bộ luật dân sự xác định chị H1 hiện nay không còn đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện nghĩa vụ của người giám hộ, bên cạnh đó ông T bà K là bố mẹ ruột của anh B hiện nay cũng là người đang trực tiếp chăm sóc anh B đủ điều kiện để trở thành người giám hộ cho anh B. Cho nên chấp nhận yêu cầu thay đổi người giám hộ cho anh B từ chị H1 sang ông T, bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc L, ông Trần Văn T2 đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L và ông T2.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định ông Trần Văn T và bà Trần Thị K là nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị H1 là bị đơn. Chị Trần Thị Ngọc L, ông Trần Văn T2 là những người biết sự việc liên quan đến nội dung tranh chấp nên xác định họ là những người làm chứng trong vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi Tòa án tuyên bố anh Trần Văn B là người mất năng lực hành vi dân sự thì vợ của anh B là chị Nguyễn Thị H1 là người giám hộ đương nhiên của anh Trần Văn B. Nay ông T và bà Trần Thị K yêu cầu Tòa án chỉ định ông T và bà K thay thế cho chị H1 làm người giám hộ cho anh B, do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về thay đổi người giám hộ", được quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Anh Trần Văn B bị tại nạn giao thông, sau đó ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành tuyên bố anh B mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án đã giải quyết theo Quyết định số 10/2023/QĐST-VDS ngày 19/4/2023 tuyên bố anh B mất năng lực hành vi dân sự. Như vậy, anh B là người được giám hộ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trước đó, nhà của anh B và chị H1 ở trên cùng thửa đất của nhà ông T và bà K. Sau khi chị H1 dọn đi nơi khác ở thì ông T và bà K đưa anh B sang nhà của ông bà để chăm sóc.

[4.2] Vào ngày 12/6/2022 cháu Trần Thị Kim P là con gái của anh B và chị H1 có viết hộ tờ giấy ngày 12/6 có nội dung: "Con là Nguyễn Thị H1 gửi trả chồng con là Trần Văn B cho bố mẹ nuôi anh B vì con không có khả năng chăm sóc nữa. Còn về tài sản bố cứ đưa ra pháp luật giải quyết, còn con cái thì tùy theo ý kiến của mỗi đứa. Từ giờ đi 2 cháu không bao giờ nhìn thấy mặt ông bà nội và ba nữa, có sự chứng kiến của ông T2 và bà cụ, mẹ con đã quyết định 2 đứa con L1, P ở với mẹ vì sự tự nguyện của 2 cháu, ông bà nội không có quyền quyết định vì chúng con đồng ý theo mẹ quyết định. Từ ngày 13/6 mọi sự của bố do ông bà nội quyết định cuộc sống của bố cháu. Về tài sản của bố và mẹ chia 3, hai cháu một phần, mẹ con một phần, Bố con một phần không cần ra pháp luật".

[4.3] Sau khi viết tờ giấy trên thì chị H1 và 02 người con đã dọn đi chỗ khác ở cho đến nay. Từ đó, ông T và bà K đưa anh B về chăm sóc, mọi sinh hoạt hàng ngày của anh B đều do ông T và bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.4] Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án này thì vào ngày 20/5/2024 ông T và bà K có gửi cho chị H1 Thông báo về việc yêu cầu chị H1 đưa anh B về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ với nội dung: "Sau 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, nếu chị

H1 không đưa anh B về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ thì ông bà sẽ coi như chị H1 đã từ bỏ quyền giám hộ đương nhiên của mình đối với anh B".

[4.5] Ngày 10/6/2024, chị H1 nộp cho Tòa án văn bản ý kiến đối với thông báo nêu trên của ông T và bà K, chị H1 cho rằng trước đây ông T yêu cầu chị phải bỏ tiền ra xây dựng một căn nhà ở riêng bên cạnh nhà ông T tại lô đất tái định cư hộ chính mà nhà nước cấp cho ông T, đồng thời ông T còn yêu cầu chị phải cho ông đứng tên chung trong lô tái định cư phụ của vợ chồng chị, chị không đồng ý nên ông T ra điều kiện ép buộc chị, ông T đã bắt con gái của chị là cháu Trần Thị Kim P viết giấy để nhằm gây áp lực không cho mẹ con chị được tới lui, chăm sóc anh B, ông T gọi đây là Giấy trả chồng. Ông T và bà K chửi bới, nhục mạ, khiếu nại, cấm cản không cho chị thăm gặp, chăm sóc anh B, ngăn chặn không cho chị nhận lô tái định cư hộ phụ để chị xây nhà, hiện nay 3 mẹ con chị vẫn ở nhờ bên nhà ngoại, kinh tế vô cùng khó khăn nên chưa có điều kiện về chỗ ở ổn định để đón anh B về. Trong thời gian sắp tới chị sẽ cố gắng tìm cách xoay sở để xây dựng nhà ở và đón anh về B về chăm sóc, trước mắt chị vẫn nhờ ông bà nội chăm sóc anh B một thời gian vì chỗ ở và kinh tế của ông bà thuận lợi. Tại phiên tòa ngày 27/9/2024, chị H1 trình bày lý do ký giấy trả chồng ngày 12/6/2022 là do chị nói với ông T là hầm chui sắp đóng cửa nên đi làm khó khăn, ông T nghĩ là chị trốn tránh nghĩa vụ chăm sóc anh B nên ông T mới đưa ra ba điều kiện để chị lựa chọn.

[4.6] Còn theo lời khai của cháu Trần Thị Kim P trình bày Giấy đề ngày 12/6/2022 với nội dung mẹ cháu trả chồng là do ông nội của cháu là ông Trần Văn T đọc toàn bộ nội dung cho cháu viết tại nhà ông nội cháu, lý do cháu viết tờ giấy trên là do đường hầm chui sắp khoá nên mẹ cháu muốn ra nhà ông bà ngoại ở để tiện đi làm thì ông nội nói cho mẹ cháu 3 điều kiện: 1 là xây nhà trên đất vườn tái định cư và hiện nay ông bà nội đang ở, 2 là tự bốc đất tự xây nhà và ông bà nội không chăm sóc ba giúp mẹ đi làm nữa, 3 là tự cuốn gói đi đâu thì đi để ba cho ông bà nội nuôi, ông nội cho mẹ 2 tuần suy nghĩ, sau đó mẹ lựa chọn phương án 3. Trước khi viết giấy thì cháu không bị ai ép buộc và đe dọa gì.

[4.7] Còn lời khai của chị Trần Thị Ngọc L là con gái của ông T và bà K, lời khai của ông Trần Văn T2 là em trai của ông T cũng trình bày là tại thời điểm cháu P viết giấy thì giữa ông T và bà K với chị H1 không có mâu thuẫn gì, không có ai ép buộc cháu P viết giấy. Xét thấy chị L và ông T2 là những người thân thích của ông T và bà K, đứng về phía ông T và bà K nhưng cũng trùng với lời khai của cháu P.

[4.8] Như vậy, chị H1 cho rằng ông T đã ép cháu P viết giấy ngày 12/6 là không có căn cứ. Theo lời khai của cháu P thì do đường hầm chui sắp đóng cửa nên chị H1 muốn về nhà ông bà ngoại để tiện đi làm thì ông T mới đưa ra 03 điều kiện

để chị H1 lựa chọn, lời khai của cháu P có sự chứng kiến và thống nhất của chị H1. Lời khai này của cháu P cũng trùng với lời khai của chị H1. Khi chị H1 ký vào tờ Giấy trả chồng ngày 12/6 thì chị H1 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị H1 phải chịu trách nhiệm với việc làm của mình.

[4.9] Chị H1 cho rằng ông T gửi đơn khiếu nại, ngăn cản không cho chị nhận lô tái định cư hộ phụ để chị xây nhà, còn ông T thừa nhận có ngăn cản là vì chị H1 không chăm sóc anh B. Nhưng sau đó, vào ngày 10/8/2023 thì chị H1 cũng đã được ký nhận Quyết định giao đất, thể hiện tại biên bản giao Quyết định giao đất tại khu tái định cư L - B huyện L do Tòa án thu thập được tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L. Như vậy, chị H1 đã nhận lô đất tái định cư hộ phụ, ông T và bà K đã đưa cho chị H1 số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) nhưng chị H1 vẫn chưa xây nhà để đón anh B về. Xét thấy, nếu chị H1 chưa xây được nhà riêng thì có thể thuê nhà để đón anh B về trực tiếp chăm sóc để thể hiện vai trò, trách nhiệm của người vợ, người giám hộ đương nhiên của anh B. Tại phiên tòa thì ông T đồng ý để chị H1 đón anh B về chăm sóc và ông T sẽ cho chị H1 tiền để thuê nhà nhưng chị H1 vẫn không đồng ý đón anh B về. Từ khi chị H1 dọn đi chỗ khác ở thì chị H1 không chu cấp thêm khoản tiền nào để ông T và bà K chăm sóc, nuôi dưỡng anh B ngoài số tiền trợ cấp 1.200.000 đồng/tháng của Nhà nước cho anh B. Chị H1 cho rằng ông T và bà K ngăn cấm chị đến chăm sóc, thăm nom anh B nhưng không được ông T và bà K thừa nhận, chị H1 không chứng minh được lời trình bày của mình. Ông T và bà K đã gửi thông báo cho chị H1 về việc đón anh B về chăm sóc nuôi dưỡng nhưng chị H1 vẫn không thực hiện. Cho thấy chị H1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của người giám hộ, không bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho người được giám hộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 57 của Bộ luật dân sự 2015, là vi phạm quy định điểm c khoản 1 Điều 60 của Bộ luật dân sự 2015.

[4.10] Ông T và bà K có đủ các điều kiện làm người giám hộ theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật dân sự năm 2015, còn chị H1 thì bận đi làm công nhân và nuôi con, chưa có chỗ ở ổn định. Chị H1 cũng trình bày là chị đang có hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn nên chưa có điều kiện về chỗ ở ổn định để đón anh B về. Xét về điều kiện và thực tế khách quan của các bên, về thời sống chung, quá trình chăm sóc của ông T và bà K đối với anh B, về việc thực hiện nghĩa vụ của người giám hộ đương nhiên của chị H1 đối với anh B, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh B, tránh làm xáo trộn cuộc sống của anh B, cần để ông T và bà K tiếp tục chăm sóc anh B. Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 3 Điều 53, Điều 60 của Bộ luật dân sự năm 2015 có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà K về việc chỉ định ông T và bà K thay thế chị H1 làm người giám hộ cho anh B.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Chị H1 phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Ông T, bà K thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn tạm ứng án phí nên không xem xét, xử lý tiền tạm ứng án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 46, khoản 1 Điều 47, Điều 48, Điều 49, khoản 4 Điều 51, khoản 3 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 60, Điều 61 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và bà Trần Thị K đối với chị Nguyễn Thị H1.

Chỉ định ông Trần Văn T và bà Trần Thị K thay thế chị Nguyễn Thị H1 là người giám hộ cho anh Trần Văn B, sinh ngày 01/01/1984, địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trần Văn T và bà Trần Thị K có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 59 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ chuyển giao quyền giám hộ cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị K trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**

- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.Long Thành;
- Đương sự, luật sư;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa